

Bản án số: 422/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 3/12/2021

V/v: *Tranh chấp về ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Văn Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cúc và ông Bùi Văn Bình.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến - Cán bộ TAND quận Long Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 3 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 162/2021/TLST- HNGĐ ngày 18/3/2021 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đào Ngọc H, sinh năm 1977; ĐKNKTT và chỗ ở: phố Xuân Đỗ, tổ 11, phường Cự Khối, quận Long Biên, Hà Nội. (Có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1979; ĐKNKTT và chỗ ở: phố Xuân Đỗ, tổ 11 phường Cự Khối, quận Long Biên, Hà Nội. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Đào Ngọc H trình bày:

* Về hôn nhân: Tôi và chị Nguyễn Thị Quỳnh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28/7/2000 tại UBND xã Cự Khối, huyện Gia Lâm (nay là UBND phường Cự Khối, quận Long Biên), Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do chị N không tôn trọng, xúc phạm tôi và bố mẹ tôi, ghen tuông vô cớ làm mất uy tín danh dự của tôi. Tôi và gia đình đã nhiều lần phân tích động viên nhưng chị N không tiếp thu mà ngày càng thách thức coi thường tôi và gia đình vì vậy giữa tôi và chị N không có sự chia sẻ và cảm thông. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ năm 2017 hai bên chính thức sống ly thân, tuy sống cùng nhà nhưng mỗi người một phòng, việc ai người ấy làm, không ai quan tâm ai. Khoảng cuối năm 2020 tôi có làm đơn khởi kiện yêu cầu TAND quận Long Biên giải quyết cho tôi được ly hôn với chị N nhưng sau đó vì thương các con nên tôi đã rút đơn ly hôn về để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Nhưng từ đó cho đến nay tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà ngày

càng xấu đi, không khí gia đình thường xuyên căng thẳng, vợ chồng không ai muốn nhìn mặt ai. Nay tôi xác định thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, tôi xin được ly hôn với chị N.

Về con chung: Tôi và chị N có 03 con chung: Cháu Đào Ngọc Q A, sinh ngày 29/12/2000, cháu Đào Ngọc Tiến D, sinh ngày 26/8/2005 và cháu Đào Ngọc Minh D, sinh ngày 21/9/2014. Ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu Đào Ngọc Tiến D, Đào Ngọc Minh D và không yêu cầu chị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, còn riêng cháu Đào Ngọc Q A đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Tôi xin tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa và các lời khai tại Tòa án, bị đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày:

* Về hôn nhân: Tôi và anh Đào Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28/7/2000 tại UBND xã Cự Khối, huyện Gia Lâm nay là phường Cự Khối, quận Long Biên, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì, còn để vui vẻ hạnh phúc như lúc mới cưới thì không vì tôi và anh H đều đã có tuổi, tính tình nóng nảy nên không đồng thuận nhiều thứ trong gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H có quan hệ tình cảm với người khác và đánh tôi nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Khoảng cuối năm 2020 anh H có làm đơn khởi kiện xin ly hôn gửi TAND quận Long Biên nhưng sau đó đã rút về. Nhưng từ khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án đến nay tình cảm vợ chồng chúng tôi không được cải thiện. Quan điểm của tôi không đồng ý ly hôn vì việc ly hôn ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của các con. Tôi xác định vẫn còn tình cảm với anh H nên không đồng ý ly hôn.

* Về con chung: Tôi và anh H có 03 con chung là cháu Đào Ngọc Q A, sinh ngày 29/12/2000, cháu Đào Ngọc Tiến D, sinh ngày 26/8/2005 và cháu Đào Ngọc Minh D, sinh ngày 21/9/2014. Cháu Đào Ngọc Q A đã trưởng thành trên 18 tuổi. Nếu phải ly hôn thì tôi vẫn ở cùng các con để chăm sóc nuôi dưỡng.

* Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đào Ngọc H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Quỳnh N; Về con chung: Anh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đào Ngọc Minh D và giao cháu Đào Ngọc Tiến D cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn; Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Xin tự nguyện chịu toàn bộ. Chị Nguyễn Thị Quỳnh N không đồng ý ly hôn với anh Đào Ngọc H; Về con chung: Do không đồng ý ly hôn nên chị không có ý kiến; Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người

tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên: Về hôn nhân: Tại phiên tòa mặc dù chị N không đồng ý ly hôn nhưng xét thấy tình cảm vợ chồng anh H chị N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng đoàn tụ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H và cho anh H được ly hôn chị N. Về con chung: Anh H chị N có 03 con chung là cháu Đào Ngọc Q A, sinh ngày 29/12/2000, cháu Đào Ngọc Tiến D, sinh ngày 26/8/2005 và cháu Đào Ngọc Minh D, sinh ngày 21/9/2014. Cháu Đào Ngọc Q A đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không xem xét. Giao con chung là cháu Đào Ngọc Minh D cho anh H và giao cháu Đào Ngọc Tiến D cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn, các bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh H, chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không xem xét. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Đào Ngọc H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Quỳnh N. Chị Nguyễn Thị Quỳnh N là bị đơn trong vụ án sinh sống tại địa chỉ phố Xuân Đỗ, tổ 11 phường Cự Khối, quận Long Biên, Hà Nội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Ngọc H và chị Nguyễn Thị Quỳnh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/7/2000 tại UBND xã Cự Khối, huyện Gia Lâm nay là phường Cự Khối, quận Long Biên, Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo anh H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không chia sẻ và không tôn trọng nhau, thời gian ly thân đã lâu tuy sống cùng nhà nhưng mỗi người một phòng, việc ai người ấy làm, không ai quan tâm ai. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm và giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với chị N.

Tại phiên tòa chị N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H có quan hệ tình cảm với người khác và đánh chị nhưng chị cũng thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình còn anh H xác nhận không có sự việc như chị N trình bày. Chị xác định vẫn còn tình cảm với anh H và không đồng ý ly hôn nhưng chính chị cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, không sống chung ly thân mỗi người sống một nơi tuy trong cùng nhà “*anh H có tình ra ngủ phòng riêng, tình cảm vợ chồng phải cả hai bên vun đắp chứ không thể một mình tôi, tôi đã cố gắng*

vun đắp tình cảm vợ chồng nhưng anh H không đồng ý. Việc mâu thuẫn của chúng tôi đã xảy ra được 02 năm nay- BL 53”; “Khoảng năm 2020, anh H đã làm đơn ly hôn tôi, nhưng sau đó đã rút đơn về. Nhưng từ khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án đến nay, tình cảm chúng tôi không được cải thiện – BL 28”. Việc chị không đồng ý ly hôn với anh H là do “không muốn ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của các con. Còn nếu phải ly hôn thì quan điểm của tôi vẫn ở cùng các con để chăm sóc nuôi dưỡng các con tránh ảnh hưởng đến sự phát triển của các con – BL 53”. Xác minh tại tổ dân phố và chính quyền địa phương thể hiện: “Vợ chồng chị N, anh H mâu thuẫn căng thẳng đã nhiều năm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, quan hệ vợ chồng và giữa chị N với bố mẹ chồng có mâu thuẫn, không phù hợp. Việc anh chị mâu thuẫn đã được tổ dân phố và UBND phường gặp gỡ H giải nhiều lần. Tại buổi H giải ngày 18/11/2021 tại UBND phường Cự Khối anh H và chị N đều thể hiện hai vợ chồng không hợp, mâu thuẫn, không tôn trọng nhau. Tôi được biết anh H có đơn ly hôn gửi Tòa án nhưng sau đó rút đơn ly hôn nhưng từ đó đến nay tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không thay đổi”.

Xét thấy anh Đào Ngọc H và chị Nguyễn Thị Quỳnh N vợ chồng đã thực sự không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không tôn trọng nhau. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị N đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh H là có cơ sở, cần được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho ly hôn giữa anh H và chị N.

[3] Về con chung: Anh H và chị N có 03 con chung là cháu Đào Ngọc Q A, sinh ngày 29/12/2000, cháu Đào Ngọc Tiến D, sinh ngày 26/8/2005 và cháu Đào Ngọc Minh D, sinh ngày 21/9/2014. Cháu Đào Ngọc Q A đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Tòa án không xem xét. Do anh chị không thỏa thuận được việc người trực tiếp nuôi con chung, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau ly hôn đối với con chung nên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, nguyện vọng của con chung cũng như điều kiện về vật chất và tinh thần của mỗi bên, HĐXX quyết định giao con chung là cháu Đào Ngọc Minh D cho anh H và giao cháu Đào Ngọc Tiến D cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

[4] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật của anh H.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh H và chị N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đào Ngọc H

Anh Đào Ngọc H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Quỳnh N.

2. Về con chung: Xác nhận anh Đào Ngọc H và chị Nguyễn Thị Quỳnh N có 03 con chung là cháu Đào Ngọc Q A, sinh ngày 29/12/2000, cháu Đào Ngọc Tiến D, sinh ngày 26/8/2005 và cháu Đào Ngọc Minh D, sinh ngày 21/9/2014.

Cháu Đào Ngọc Q A đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Tòa án không xem xét

Giao con chung là cháu Đào Ngọc Minh D, sinh ngày 21/9/2014 cho anh Đào Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn và giao cháu Đào Ngọc Tiến D, sinh ngày 26/8/2005 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Các bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Đào Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 16968 ngày 18/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, TP Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- UBND phường Cự Khối, Long Biên, HN;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Ngọc

